CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
Số: 09/2019

Vv: Công bố sản phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 30 tháng 11 năm 2019

- *Căn cứ: Luật An toàn thực phẩm 2010;*
- *Căn cứ nghị định 15/2018/NĐ- CP hướng dẫn Luật ATTP;*
- *Căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty.*

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 692 ngày 11/12/2019
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng VP hồ sơ
Sao

THÔNG BÁO
CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA**

Địa chỉ: Km 29-Quốc lộ 5A, Tổ dân phố Bến, Phường Bạch Sam, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 02213.946.789

Mã số doanh nghiệp: 0900854396

Điều 1: Công bố Hợp quy cho các sản phẩm như sau:

1. Tên sản phẩm: Bánh gạo ICHI CRACKER GẠO LỨT MÈ ĐEN

   Số: 09/THK-CB/2019

Điều 2: Hiệu lực

Các Hồ sơ công bố có hiệu lực kể từ thời điểm niêm yết tại trụ sở Công ty.

Các bộ phận, phòng ban liên quan có trách nhiệm tuân thủ theo nội dung Công bố.

Nơi nhận

- *Gửi lãnh đạo*
- *Phòng kinh doanh./.*
- *Chi cục ATTP Hưng Yên.*
- *Lưu văn thư./.*

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(ký, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Lý

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

SỐ: 09/THK – CB/2019

SẢN PHẨM

BÁNH GẠO ICHI CRACKER GẠO LỨT MÈ ĐEN

Hưng Yên, tháng 11/2019

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/THK - CB/2019

I.Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA**

Địa chỉ: Km 29- Quốc lộ 5A, Tổ dân phố Bến, Phường Bạch Sam, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 02213.946.789 Fax: 02213.946.788

Website: www.thienha-kamedafood.com- www.kamedaseika.co.jp

Mã số doanh nghiệp: 0900854396

Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn FSSC 22000

II. Thông tin về sản phẩm:

1.Tên sản phẩm : Bánh gạo ICHI CRACKER GẠO LỨT MÈ ĐEN

2.Thành phần: Gạo lứt Japonica (44%), gạo Japonica (44%), dầu thực vật, mè đen (2.6%), muối, đường kính trắng, chất điều vị (E621, E627, E631).

3.Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 8 tháng kể từ ngày sản xuất ;

- Ngày sản xuất – Hạn sử dụng: In trên nhãn sản phẩm.

4.Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Những chiếc bánh nhỏ được đóng gói bằng bao bì PP chuyên dùng đóng gói thực phẩm, những chiếc bánh sau khi được bao gói bằng bao bì PP sẽ được xếp khay nhựa, khay nhựa này được bao ngoài cùng là bao Plasstic thành một gói bánh.

- Sản phẩm có trọng lượng tịnh: 85g/ gói.

- Cứ 6 gói này được xếp vào 1 hộp catton . 4 hộp cactton này được xếp vào 1 thùng catton khác.

III.Mẫu nhãn sản phẩm : (Có file chi tiết đính kèm)

IV.Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Tiêu chuẩn cơ sở số 03/2018/TCCL- DDBS, ngày 20 tháng 04 năm 2018. (đính kèm)

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bánh có hình dạng theo khuôn mẫu, dạng khối tròn hoặc elip
2	Màu sắc	Màu sắc cơ bản là màu nâu nhạt tới màu vàng nhạt lẫn hạt mè màu đen

3	Mùi, vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ. Vị đặc trưng của sản phẩm là vị hơi mặn.
4	Các đặc tính khác	

1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Protein	%	5.7-10.8
2	Hàm lượng Lipid	%	7.5-13.9
3	Hàm lượng ẩm	%	≤ 6
4	Hàm lượng tổng Cacbonhydrat	g/100g	53.2 – 98.9
5	Hàm lượng sắt	mg/100g	3.2 – 6

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Cfu/g	10^4
2	Coliforms	Cfu/g	10
3	E.coli	Cfu/g	3
4	Staphylococcus aureus	Cfu/g	10
5	Clostridium perfringens	Cfu/g	10
6	B.cereus	Cfu/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	Cfu/g	10^2

1.4. Hàm lượng kim loại nặng:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/kg	0,1
2	Cadimi	mg/kg	0,1

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	ppm	2
2	Aflatoxin tổng	ppm	4
3	Ocharatoxin A	ppm	3
4	Dexynivalenol	ppm	500
5	Zearalenone	ppm	50

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, *ngày 30 tháng 11 năm 2019*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Sỹ

M.S.D.N: 0900854396-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

KAMEDA 1 NHẬT BẢN
CÔNG TY BÁNH GẠO SỐ

ICHI CRACKER

Bánh Gạo Nhật

MÈNG

GIÒN TAN TANH TÁCH

GẠO LỨT MÈ ĐEN

368.7 Kcal	9.1 g	64.7 g	398.7 mg

KHẨU PHẦN CHO 1 GÓI 85G/SERVINGS PER PACKAGE

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG - NUTRITIONAL VALUES		
Khẩu phần/ Serving size	100g	
Năng lượng/ Calo Energy/ Calories	433.8 kcal/100g	
Hàm lượng các chất trong khẩu phần/ Amount per serving	% Giá trị hàng ngày*/ % Daily value*	
Tổng chất béo/ Total fat	12.7g	4.83%
Chất béo bão hòa/ Saturated fat	3.24 g	
Tổng carbohydrate/ Total carbohydrate	76.1g	15.22%
Đạm/ Protein	8.28 g	
Hàm lượng natri/sodium	469 mg	

THÀNH PHẦN: Gạo lứt Japonica (44%), gạo Japonica (44%), dầu thực vật, mè đen (2.6%), muối, đường kính trắng, chất điều vị (E621, E627, E631)
INGREDIENTS: Japonica brown rice (44%), Japonica rice (44%), vegetable oil, sesame (2.6%), salt, granulated sugar, flavour enhancers (E621, E627, E631)

Độ ẩm: ≤6%, Moisture: ≤6%
Hàm lượng Protein: 6.7 - 10.8%
Protein: 5.7 - 10.8%

Lượng muối lượng đường: 1.2g
Equivalent salt content: 1.2g

* Chất gây dị ứng có trong thành phần: Mè đen
Allergen included in the ingredient: Sesame
* Trong xưởng sản xuất sản phẩm này có sản xuất cả các dòng sản phẩm có liên quan đến: Sữa, đậu nành, lúa mì
The factory at this product also produce other products that relate to: Milk, soybean, wheat

Hệ thống quản lý an toàn về sinh thực phẩm đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn: FSSC 22000
The food safety management system has been certified according to the FSSC 22000 Standard

Hãy thưởng thức & cảm nhận vị thơm ngon của gạo lứt, mè đen từ nơi đầu lưỡi và cũng lắng nghe độ giòn tan tanh tách của bánh gạo Nhật Ichi cracker gạo lứt mè đen - cho bạn thêm vui, thêm yêu đời!

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Sản phẩm ăn liền không cần qua chế biến, nên ăn ngay sau khi bóc gói.
USING INSTRUCTION:
Instant food, cooking is not necessary, should be used once opening the packet.
HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
STORAGE INSTRUCTION: Keep in cool and dry place, avoid direct sunlight.
Ngày sản xuất/ Hạn sử dụng: In trên bao bì
Productin date/ Expiry date: On package

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
Địa chỉ: Km 29-Quốc lộ 5A, Tổ dân phố Bến, Phường Bạch Sam, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐT: (84-221)3946799
Fax: (84-221)3946799
Website: www.thienha-kamedafood.com
Website: www.kamedaseika.co.jp

Produced by: THIEN HA KAMEDA JOINT STOCK COMPANY
Add: Km 29-5A Route, Ben group, Bach Sam ward, My Hao town, Hung Yen province, Vietnam.
Tel: (84-221)3946799
Fax: (84-221)3946799

Sản xuất tại Việt Nam/ Made in Viet Nam

Hotline 1800555529

Nhãn hiệu **ICHI** đã được bảo hộ và thuộc sở hữu của **CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA**
ICHI brand is a trademark of **THIEN HA KAMEDA JOINT STOCK COMPANY.**

Sản xuất theo công nghệ Nhật Bản
Produced by Japanese technology
Số tự công bố: 08/THK-CB/2019
Manufactured according: 08/THK-CB/2019

18936074609742

KAMEDA 1 NHẬT BẢN
CÔNG TY BÁNH GẠO SỐ

ICHI CRACKER

Bánh Gạo Nhật

MÈNG

GIÒN TAN TANH TÁCH

GẠO LỨT MÈ ĐEN

368.7 Kcal	9.1 g	64.7 g	398.7 mg

KHẨU PHẦN CHO 1 GÓI 85G/SERVINGS PER PACKAGE

KAMEDA 1 NHẬT BẢN
CÔNG TY BÁNH GẠO SỐ

ICHI CRACKER

Bánh Gạo Nhật

MÈNG

GIÒN TAN TANH TÁCH

GẠO LỨT MÈ ĐEN

Không chiên
Không phẩm màu

Khối lượng tịnh/ Net weight
510g (6 gói x 85g)

ICHI KT 230x130x220 - 22.11.2019

305mm

12,5 | 40mm | 200mm | 40mm | 12,5

295mm

12,5 | 40mm | 55mm | 80mm | 55mm | 40mm | 12,5

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
M.S.D.N: 0900854396 - C.P
TX.MỸ HÀO - T.HƯNG YÊN

Trong suốt

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.gov.vn; **Email:** info@quatest2.gov.vn

BẢN SAO

Số (*Nº*): 1533R-K2/3244/KT2-HC2 Ngày/*Date of issue:* 03/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample:* **ICHI CRACKER GẠO LỨT MÈ ĐEN**
2. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample:* -
3. Số lượng mẫu/*Quantity:* 01
4. Tình trạng mẫu/*State of sample:* Mẫu khoảng 1kg, được trong túi kín
5. Khách hàng/*Client:* CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
6. Địa chỉ/*Address:* Km 29, Quốc lộ 5A, tổ dân phố Bến, phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
7. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 10/6/2019
8. Ngày thử nghiệm/*Date of testing:* từ ngày/*from:* 10/6/2019 đến ngày/*to:* 20/6/2019
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results:*

TT *Items*	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH *Test properties - Unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *Test results*
1.	Trị số axit/ *Acid value*	mg KOH/g	TCVN 6127:2010(NA)	1,55
2.	Trị số peroxit/ *Peroxide value*	meq/kg	TCVN 6121:2010(NA)	< 0,1 (MQL)

Ghi chú/*Notes*:
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Method Quantification Limit*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and address are named by client's requirements*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2*
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ *QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.*
- (NA): phép thử chưa được BoA công nhận/*Test method is not accreditated by BoA*
- **Phiếu kết quả này thay thế cho Phiếu kết quả số 1533-K2/3244/KT2-HC2, ngày 11/7/2019/*This Test report replace the Test report Nº.1533-K2/3244/KT2-HC2, date of issued 11/7/2019***

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

Võ Khánh Hà

KT. GIÁM ĐỐC
Director

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.gov.vn; **Email:** info@quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample:* **ICHI CRACKER GẠO LỨT MÈ ĐEN**
2. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample:* -
3. Số lượng mẫu/*Quantity:* 01
4. Tình trạng mẫu/*State of sample:* Mẫu khoảng 1kg, được trong túi kín
5. Khách hàng/*Client:* CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
6. Địa chỉ/*Address:* Km 29, Quốc lộ 5A, tổ dân phố Bến, phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
7. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 10/6/2019
8. Ngày thử nghiệm/*Date of testing:* từ ngày/*from:* 10/6/2019 đến ngày/*to:* 20/6/2019
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results:*

TT *Items*	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH *Test properties - Unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *Test results*
1.	Tổng số bào tử nấm men – mốc/ *Yeasts and moulds*	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH/*ND* (< 10)
2.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí/ *Aerobic plate count*	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	50
3.	*Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH/*ND* (< 10)
4.	*Cl.perfringens*	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH/*ND* (< 10)
5.	*S.aureus*	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH/*ND* (< 10)
6.	*E.coli*	MPN/g	TCVN 6846:2007	KPH/*ND* (< 3)
7.	*B.cereus*	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH/*ND* (< 10)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 08-10-2019
Số chứng thực 2868 Quyển số 01 SCT/BS

Ghi chú/*Notes*:
- KPH/*ND*: không phát hiện/*Not detectable.*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and address are named by client's requirements*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2*
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ *QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.*
- (NA): phép thử chưa được BoA công nhận/*Test method is not accreditated by BoA*
- **Phiếu kết quả này thay thế cho Phiếu kết quả số 1533-K2/3244/KT2-HC2, ngày 11/7/2019**/*This Test report replace the Test report Nº.1533-K2/3244/KT2-HC2, date of issued 11/7/2019*

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

PHÓ CHỦ TỊCH
PHẠM NGỌC CHIẾN

KT. GIÁM ĐỐC
Director

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

Võ Khánh Hà

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.gov.vn; **Email:** info@quatest2.gov.vn

VILAS 023

BẢN SAO

Số (*Nº*): 1533R-K2/3244/KT2-HC2 Ngày/*Date of issue:* 03/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample:* **ICHI CRACKER GẠO LỨT MÈ ĐEN**
2. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample:* -
3. Số lượng mẫu/*Quantity:* 01
4. Tình trạng mẫu/*State of sample:* Mẫu khoảng 1kg, được trong túi kín
5. Khách hàng/*Client:* CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
6. Địa chỉ/*Address:* Km 29, Quốc lộ 5A, tổ dân phố Bến, phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
7. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 10/6/2019
8. Ngày thử nghiệm/*Date of testing:* từ ngày/*from:* 10/6/2019 đến ngày/*to:* 20/6/2019
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results:*

TT *Items*	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH *Test properties - Unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *Test results*
1.	Trị số axit/ *Acid value*	mg KOH/g	TCVN 6127:2010(NA)	1,55
2.	Trị số peroxit/ *Peroxide value*	meq/kg	TCVN 6121:2010(NA)	< 0,1 (MQL)

Ghi chú/*Notes*:
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Method Quantification Limit*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and address are named by client's requirements*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2*
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ *QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.*
- (NA): phép thử chưa được BoA công nhận/*Test method is not accreditated by BoA*
- **Phiếu kết quả này thay thế cho Phiếu kết quả số 1533-K2/3244/KT2-HC2, ngày 11/7/2019/*This Test report replace the Test report Nº.1533-K2/3244/KT2-HC2, date of issued 11/7/2019***

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

Võ Khánh Hà

KT. GIÁM ĐỐC
Director

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.gov.vn; **Email:** info@quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample:* **ICHI CRACKER GẠO LỨT MÈ ĐEN**
2. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample:* -
3. Số lượng mẫu/*Quantity:* 01
4. Tình trạng mẫu/*State of sample:* Mẫu khoảng 1kg, được trong túi kín
5. Khách hàng/*Client:* CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ KAMEDA
6. Địa chỉ/*Address:* Km 29, Quốc lộ 5A, tổ dân phố Bến, phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
7. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 10/6/2019
8. Ngày thử nghiệm/*Date of testing:* từ ngày/*from:* 10/6/2019 đến ngày/*to:* 20/6/2019
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results:*

TT *Items*	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH *Test properties - Unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *Test results*
1.	Tổng số bào tử nấm men – mốc/ *Yeasts and moulds*	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH/*ND* (< 10)
2.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí/ *Aerobic plate count*	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	50
3.	*Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH/*ND* (< 10)
4.	*Cl.perfringens*	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH/*ND* (< 10)
5.	*S.aureus*	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH/*ND* (< 10)
6.	*E.coli*	MPN/g	TCVN 6846:2007	KPH/*ND* (< 3)
7.	*B.cereus*	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH/*ND* (< 10)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 08-10-2019
Số chứng thực 2868 Quyển số 01 SCT/BS

Ghi chú/*Notes*:
- KPH/*ND*: không phát hiện/*Not detectable*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and address are named by client's requirements*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2*
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ *QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.*
- (NA): phép thử chưa được BoA công nhận/*Test method is not accreditated by BoA*
- **Phiếu kết quả này thay thế cho Phiếu kết quả số 1533-K2/3244/KT2-HC2, ngày 11/7/2019**/*This Test report replace the Test report Nº.1533-K2/3244/KT2-HC2, date of issued 11/7/2019*

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

PHÓ CHỦ TỊCH
PHẠM NGỌC CHIẾN

Võ Khánh Hà

KT. GIÁM ĐỐC
Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.